TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/10/2019
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH L

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tĩnh;

2. Bà Trần Thị Lệ Hoa.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vũ Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019, về việc: "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Ánh M,** sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T *(Có đơn xin xét xử vắng mặt);*

2/ Bị đơn: **Ông Lương Minh T,** sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 358, ấp N, xã H, thành phố T, tỉnh L *(Có đơn xin xét xử vắng mặt);*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, Nguyễn Thị Ánh M, như sau:

Qua tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên năm 2013 bà và Ông Lương Minh T tổ chức lễ cưới, sau đó đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố T, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/2013.

Sau khi cưới, vợ chồng sống tại ấp N, xã H, thành phố T, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con. Từ nguyên nhân này dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cự cãi, cuộc sống gia đình xáo trộn. Bà và ông T đã không còn sống chung từ ngày 29/6/2018 cho đến nay.

Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với Ông Lương Minh T.

Vợ chồng có 02 con chung tên Lương Ngọc N Y, sinh ngày 09/10/2015 và Lương Phước T, sinh ngày 03/01/2018. Hiện tại cháu N Y đang sống với bà, cháu T sống với ông T. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu N Y và đồng ý để Ông Lương Minh T nuôi cháu T. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Bà Nguyễn Thị Ánh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ánh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn, Ông Lương Minh T có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản tường trình ngày 18/9/2019 trình bày như sau: Ông và bà Nguyễn Thị Ánh M kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Nay bà M yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lương Ngọc N Y, sinh ngày 09/10/2015 và Lương Phước T, sinh ngày 03/01/2018. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu T và bà M sẽ nuôi cháu N Y, không ai cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Do nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh M với Ông Lương Minh T.

- Con chung: Giao cháu Lương Ngọc N Y cho bà Nguyễn Thị Ánh M nuôi dưỡng. Giao cháu Lương Phước T cho Ông Lương Minh T nuôi dưỡng. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ánh M yêu cầu ly hôn với Ông Lương Minh T. Do ông T đang cư trú tại xã H, thành phố T, tỉnh L nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh M và bị đơn Ông Lương Minh T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T chung sống vợ chồng từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố T, tỉnh L, từ đó có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hôn nhân hợp pháp, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ các lời khai của các đương sự, có căn cứ xác định: Trong đời sống vợ chồng, giữa bà M và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫu, vợ chồng bà M và ông T đã không còn quan hệ tình cảm với nhau và sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay, mỗi người sống cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc gì cho ai. Bà M có yêu cầu ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, yêu cầu của bà M xin ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh M và Ông Lương Minh T xác định vợ chồng có 02 con Lương Ngọc N Y, sinh ngày 09/10/2015 và Lương Phước T, sinh ngày 03/01/2018. Khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi cháu N Y và ông T yêu cầu được nuôi cháu T. Xét, từ khi bà M và ông T ly thân thì cháu N Y sống cùng bà M và cháu T sống cùng ông T. Do đó, để ổn định tình cảm, duy trì viêc sinh hoạt hàng ngày của hai cháu, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà M và ông T, giao cháu Lương Ngọc N Y cho bà M nuôi dưỡng và giao cháu Lương Phước T cho ông T nuôi dưỡng. Do bà M và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản: Bà Nguyễn Thị Ánh M và Ông Lương Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ánh M và Ông Lương Minh T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn theo quy định là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 228, 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57, 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ánh M được ly hôn với Ông Lương Minh T.

2/ Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh M được nuôi con chung tên Lương Ngọc N Y, sinh ngày 09/10/2015. Ông Lương Minh T được nuôi con chung tên Lương Phước T, sinh ngày 03/01/2018. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người

trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002616, ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L. Bà M đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CC THA DS Tp T;
- UBND xã H;
-Các đương sự.
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Phan